TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN M** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 71/2018/QĐST-HNGĐ	*M, ngày 04 tháng 04 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 về việc ly hôn, giữa:

- Nguyên đơn: **Chị Phạm Thị N** - sinh năm 1995;

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn P, xã T, huyện M, TP H;

- Bị đơn: **Anh Trần Văn T** - sinh năm 1995;

Nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn P, xã T, huyện M, TP H;

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 63 ngày 22/7/2015 tại UBND xã T, huyện M, Thành phố H.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 86/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: chị **Phạm Thị N** và anh **Trần Văn T**

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** chị N, anh T có 01 con chung là cháu Trần Hà M, sinh ngày 25/2/2016. Giao cháu M cho anh T nuôi dưỡng. Chị N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi

con chung 2.000.000 đồng/tháng kể từ tháng 4/2018 đến khi cháu M trưởng thành hoặc có sự thay đổi khác.

Chị N được quyền qua lại thăm nom giáo dục con chung không ai được ngăn cản.

- **Về tài sản chung; tài sản riêng; công sức; công nợ chung:** không có.

3. **Về án phí**: chị Phạm Thị N tự nguyện chịu cả 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai số AD/2010/0004940 ngày 20/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, thành phố H. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M
THẨM PHÁN

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- UBND xã T, huyện M, TP H;
-TANDTP H;
- Lưu HS-VP.

Nguyễn Thị Kim T